

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày 11-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Thuận. Công tác tại Ủy ban nhân dân xã Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
2. Ông Lâm Minh Đoàn. Công tác Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Kiều Thanh Thật - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/6/2024, tại trụ sở **Nhà Văn hóa thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 17/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 29/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Thái Văn N (tên gọi khác: không); Sinh năm: 1990; Tại: **Huyện L, tỉnh Đồng Tháp**. Nơi thường trú: **Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp**. Nơi ở hiện nay: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Thái Văn Á** (đã chết) và bà **Võ Thị D** (đã chết); Vợ **Thạch Thị D1** và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo **Thái Văn N** bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 21/10/2023 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Trần Văn L (tên gọi khác: Không có); Sinh ngày 01 tháng 01 năm: 1989 tại: **Huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi thường trú: **Ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi ở hiện nay: **Ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; **Nghề nghiệp: Làm thuê**; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Phi H** và bà **Phạm Lê T**; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Tiền sự: Không; Bị cáo **Trần Văn L** bị áp

dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 21/10/2023 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

3. **Son T3** (tên gọi khác: **T1**); Sinh ngày 01 tháng 01 năm: 1988 tại: **Huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi thường trú: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; Nơi ở hiện nay: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Son Quách T2** và bà **Lâm Thị Đ**; Vợ **Lâm Thị SaRi**; Bị cáo có 02 (hai) người con (lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 (Ngày 08/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Son T3** thời hạn 24 tháng. Ngày 24/12/2021, **Son T3** được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại). Bị cáo **Son T3** bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 21/10/2023 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- **Trần Văn N1**, sinh ngày 03/01/1992. Địa chỉ: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Ông **Đỗ Thanh L1** (Bè), sinh ngày 28/3/2004. Địa chỉ: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Ông **Lý Hoàng H1**, sinh ngày 09/9/2004. Địa chỉ: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

- Ông **Châu K**, sinh ngày 20/10/1992. Địa chỉ: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

- Ông **Hữu P**, sinh năm 1998. Địa chỉ: **Ấp S, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

- Ông **Son Hoàng A** (tên gọi khác: **V**), sinh ngày 06/7/2008. Địa chỉ: **Ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

*Người giám hộ **Son Hoàng A**: Bà **Huỳnh Thị S**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).*

- Ông **Lâm Ngọc H2**, sinh ngày 01/01/2003. Địa chỉ: **Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

- Ông **Trần Văn S1**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Bà **Trần Thị Bích L2**, sinh năm 1978. Địa chỉ: **Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

- Bà **Thạch Thị D1**, sinh năm 1981. Địa chỉ: **Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt)

- Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Kim H3**; Dân tộc: Khmer; Nơi công tác: Hội đồng nhân dân **thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 10 phút ngày 12/10/2023 tại nhà thuê của bị cáo **Thái Văn N** thuộc **ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**, Cơ quan **Công an huyện T** kiểm tra phát hiện và bắt quả tang các bị cáo **Thái Văn N** và **Trần Thanh L3** có hành vi tàng trữ 01 bịch ma túy có khối lượng là 0,1722 gam ma túy loại Methamphetamine trên nền nhà với mục đích để sử dụng. Qua điều tra xác định bị cáo **Thái Văn N** tổ chức 04 lần để cùng các con nghiện sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của bị cáo. Trong đó, có 02 lần bị cáo **Trần Thanh L3** hùn tiền mua ma túy để cùng bị cáo **N** tổ chức cho các con nghiện sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo **Thái Văn N** đã 08 lần bán ma túy cho các con nghiện và một lần chưa bán ma túy nhưng đã nhận 300.000 đồng. Bị cáo **N** bán ma túy thu lợi số tiền là 2.450.000 đồng. Trong những lần bị cáo **Thái Văn N** bán ma túy thì bị cáo **Sơn T3** có giúp bị cáo **N** bán ma túy một lần cho **Lâm Ngọc H2**.

Tại Kết luận giám định số 170/KLMT-KTHS ngày 21 tháng 10 năm 2023 của **Phòng K1 công an tỉnh S** kết luận Mẫu chất rắn màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1722 gam, loại Methamphetamine.

Về vật chứng, Cơ quan điều tra thu giữ, xử lý:

- 0,1349 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo không màu trong phong bì màu trắng, bên ngoài ghi “Niêm phong vụ số 170/2023, ngày 27 tháng 10 năm 2023, Gói 01”, có chữ ký của **Phạm Thanh Trường S2, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thanh T4** và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh S**;

- 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa có dán nhãn WAKE UP 247 có gắn một nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có gắn một đoạn ống nhựa và một cái nỏ bằng thủy tinh;

- 01 (Một) cái hột quạt gas màu xanh dương;

- 01 (Một) hột quạt gas bị bể đầu bật lửa có gắn một đoạn ống thủy tinh;

- 01 (Một) cây kéo bằng kim loại;

- 16 (Mười sáu) đoạn ống bằng thủy tinh;

- 01 (Một) đầu khè lửa;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A02S màu đen;

- Tiền Việt Nam: 5.110.000 đồng;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Realme C2;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu **S3**;

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý các đồ vật tài liệu như sau:

- Đối với số tiền 5.110.000 đồng, trong đó có 4.810.000 là tiền của bà Thạch Thị D1 (Sinh ngày: 01/01/1981; ĐKTT: ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng) gửi cho N để trả tiền gà, không liên quan đến hành vi phạm tội của N, nên đã trao trả cho chủ sở hữu là bà Thạch Thị D1. Số tiền 300.000 đồng còn lại là N bán ma túy cho hai người thanh niên không rõ họ tên, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và gửi sang Kho bạc Nhà nước huyện Trần Đề. Sau khi kết thúc điều tra chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề quản lý.

- Đối với cái điện thoại di động hiệu SAMSUNG A31, xác định là của bị can Trần Thanh L3 và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can, nên đã trao trả cho chủ sở hữu là bị can Trần Thanh L3;

- Đối với cái điện thoại di động hiệu Realme C2, xác định điện thoại này là của Sơn Thăng mượn của Trần Thanh L3, L3 không biết việc T3 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên đã trao trả cho chủ sở hữu là bị can Trần Thanh L3.

Những vật chứng chưa được xử lý đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề để quản lý phục vụ cho quá trình xét xử.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Thái Văn N thống nhất với kết luận giám định, bị cáo N khai nhận: Bị cáo cáo đã nhiều lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể 04 lần như sau:

- Lần thứ 1: Chiều tối ngày 08/10/2023, bị cáo N đã tổ chức cho L3, T3 đã sử dụng ma túy tại nhà của N, ma túy là do bị cáo N và L3 hùn tiền mua, bị cáo L3 hùn số tiền là 50.000 đồng, N hùn số tiền là 150.000 đồng, T3 không có hùn tiền. Dụng cụ sử dụng ma túy là của N cung cấp, lần này bị cáo N không có sử dụng do vợ của N là Thạch Thị D1 đang ở nhà.

- Lần thứ 2: Khoảng 22 giờ, ngày 10/10/2023, các bị cáo N, L3, T3 và Đỗ Thanh L1 đã sử dụng ma túy tại nhà sau của N, ma túy là do N và L3 hùn tiền mua, L3 hùn số tiền là 55.000 đồng, N hùn số tiền là 145.000 đồng. T3 và B không có hùn tiền. Dụng cụ sử dụng ma túy là do N cung cấp.

- Lần thứ 3: Sáng ngày 12/10/2023, sau khi thức dậy, các bị cáo N, L3, T3 tập trung với nhau tại nhà của N để sử dụng ma túy, nhưng do chưa tỉnh ngủ nên N chỉ ngồi xem chứ không sử dụng, số ma túy là của bị cáo sử dụng còn dư.

Lần thứ 4: Vào khoảng 09 giờ 35 phút, ngày 12/10/2023, N, L3, T3 và Đỗ Thanh L1 đi vào nhà sau của N để sử dụng ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy và ma túy sử dụng là của N đã để sẵn ở trong nỏ.

Ngoài ra, bị cáo N đã 08 lần mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

- Ngày 12/10/2023:

+ Khoảng 10 giờ sáng, P có nhắn tin cho bị cáo, hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy, sau đó, P đưa cho bị cáo N 500.000 đồng, bị cáo N chạy đến nhà của V1, mua 500.000 đồng tiền ma túy, nhưng về đến nhà thì bị cáo N sót lại một ít, rồi mới đem đưa lại cho P.

+ Vào buổi trưa, H1 có nhắn tin cho N hỏi mua 700.000 đồng ma túy, lát sau H1 điều khiển xe Sonic chạy lại nhà N lấy ma túy, nhưng không có trả tiền, khoảng 01 tiếng sau thì H1 mới lại trả tiền cho N số tiền 700.000 đồng.

+ Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, có hai người thanh niên chạy đến hỏi mua ma túy, đưa trước cho N số tiền 300.000 đồng, N chờ V1 đem ma túy xuống để bán cho hai người này, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an bắt quả tang.

- Ngày 11/10/2023:

+ Khoảng 16 giờ, H1 có nhắn tin cho N, nhờ N mua dùm 700.000 đồng tiền ma túy, sau đó, H1 đưa cho bị cáo N 700.000 đồng, sau đó, N chạy đến nhà V1 mua 700.000 đồng tiền ma túy, sau đó, N sót lại một ít, phần ma túy còn lại N đưa cho H1.

- Ngày 10/10/2023:

+ Khoảng hơn 22 giờ, H2 có nhắn tin cho N, kêu bị cáo N bán cho V1 200.000 tiền ma túy, nhưng sáng hôm sau mới trả tiền. Đến khoảng 03 giờ sáng, H2 vẫn chưa qua, nên N đưa bạch ma túy cho T3, nhờ T3 đưa ma túy cho H2, sau đó, bị cáo N nhắn tin cho T1 nhờ T3 đưa ma túy cho H2 và khỏi kêu bị cáo N đây.

+ Khoảng gần 23 giờ, K nhắn tin cho bị cáo N kêu bán ma túy cho K, bị cáo N bán cho K 200.000 đồng tiền ma túy.

+ Ngoài ra cách ngày bị bắt khoảng 03-04 ngày, H2 có gọi điện cho bị cáo N qua ứng dụng Messenger hỏi mua 200.000 đồng tiền ma túy. Lát sau thì H2 cùng một người thanh niên ôm cao chạy qua nhà bị cáo N lấy ma túy. Bị cáo N đứng chỗ tắm bọt cao su đưa ma túy cho H2, H2 đưa cho bị cáo N số tiền 200.000 đồng.

+ Cách khoảng 01 tuần trước đó, P có nhắn tin cho bị cáo N qua điện thoại, hỏi mua 200.000 đồng ma túy nhưng thiếu nợ, ban đầu bị cáo N không định bán, nhưng P năn nỉ quá thì bị cáo N đồng ý bán cho P, lát sau, P chạy qua nhà bị cáo N lấy ma túy.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh L3 thống nhất với kết luận giám định, bị cáo L3 khai nhận:

- Lần 1: Bị cáo L3 không nhớ rõ ngày nào nhưng bị cáo nhớ cách đây khoảng 04 ngày (ngày (08/10/2023)). Vào khoảng xế chiều, bị cáo đến nhà N nhận và L3 có hùn tiền 50.000 để N đi mua ma túy sử dụng, lúc này có T3 đang ở nhà của N. N nói có 200.000 đồng từ tiền bán gà, sau khi nhận xong thì N đi mua ma túy về sử dụng. Lẹ cùng N, T3, sử dụng ma túy ở nhà sau của N, rồi bị cáo L3 cùng vào T3 ngủ lại nhà N đến sáng ngày hôm sau L3 về nhà.

- Lần 2: Cách hôm nay khoảng 02 ngày (10/10/2023) khoảng 19 giờ L3 đến nhà N chơi và có nhận cùng với T3, sau đó bị cáo có hùn tiền là 55.000 đồng để N mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Sau khi nhận xong thì N đi

mua ma túy về để cùng L3 sử dụng, địa điểm sử dụng cũng tại nhà sau của N. Sau khi sử dụng ma túy xong L3 cùng T3 ngủ lại nhà của N.

- Lần 3: Đến sáng ngày hôm nay (12/10/2023) khoảng 11 giờ L3 có đưa tiền cho N 50.000 đồng để hùn tiền với N mua ma túy về sử dụng. Sau đó N mua ma túy về L3 cùng T3 sử dụng tại nhà sau của N, lần này N không sử dụng vì No mệt. Sử dụng ma túy xong Bị cáo L3 đi sửa xe và đi nhậu ở nhà bà T5 đến 15 giờ chiều cùng ngày thì về nhà N để tiếp tục sử dụng ma túy. Khi vào nhà N để chuẩn bị sử dụng ma túy cùng với N và T1 thì bị Công an bắt quả tang.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Sơn T3 thống nhất với kết luận giám định, bị cáo T3 khai nhận:

- Lần 1: Vào 08/10/2023 khoảng xế chiều, L3 đến nhà N nhậu và L3 có hùn tiền 50.000 để N đi mua ma túy sử dụng, lúc này có bị cáo đang ở nhà của N. No nói có 200.000 đồng từ tiền bán gà, sau khi nhậu xong thì N đi mua ma túy về sử dụng. L3 cùng N và bị cáo cùng sử dụng ma túy ở nhà sau của N, rồi bị cáo L3 cùng vào bị cáo ngủ lại nhà N đến sáng ngày hôm sau L3 về nhà.

- Lần 2: Cách hôm nay khoảng vào ngày 10/10/2023 khoảng 19 giờ L3 đến nhà N chơi và có nhậu cùng với bị cáo, sau đó L3 có hùn tiền là 55.000 đồng để N mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Sau khi nhậu xong thì N đi mua ma túy về để cùng L3 sử dụng, địa điểm sử dụng cũng tại nhà sau của N. Sau khi sử dụng ma túy xong L3 cùng bị cáo ngủ lại nhà của N.

- Lần 3: Vào khoảng 8 giờ ngày (12/10/2023) bị cáo đi bộ qua nhà quán cà phê trước nhà N để uống cà phê cùng với N và L3, bị cáo có hỏi N còn đồ không (nghĩa là còn ma túy đá không) để xin hút ma túy, thì N có nói với bị cáo là còn đồ ở trong cái nôi (nghĩa là còn ma túy đá trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy). Thấy vậy bị cáo với L3 và N vào nhà sau của N để sử dụng ma túy đá, khi vào nhà sau thì bị cáo thấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở gần bình gas, thì L3 lấy ma túy sử dụng trước, sau đó đến bị cáo, cuối cùng là N, chúng bị cáo hút được khoảng 2 đến 3 hơi thì nghỉ, bên trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy vẫn còn dư một ít ma túy đá. Sử dụng xong thì L3 đi sửa xe, bị cáo và N tiếp tục ngồi lại sử dụng hết số ma túy còn lại sau đó thì bị cáo và N ra nhà trước uống cà phê.

- Lần 4: Đến khoảng 12 giờ ngày 12/10/2023 sau khi uống cà phê với N ở trước nhà và nói chuyện một lúc xong. Thấy L3 quay lại và vào nhà sau của N nên bị cáo và N mới vào theo. Sau đó thì L4 hỏi bị cáo còn không, thì bị cáo mới nói với L3 là sử dụng hết rồi. Kế đó N mới lấy từ đâu ra một bịch ma túy đá định cắt ra bỏ vào cái nôi để chúng ông gồm ông, N và L3 cùng sử dụng thì bị lực lượng công an phát hiện nên đã bắt quả tang chủ N, bị cáo và L3, sau đó tạm giữ và niêm phong đồ vật có liên quan.

Ngoài 04 lần sử dụng ma túy kể trên bị cáo còn giao ma túy đá giúp No một lần cho một người tên H2 vào khoảng 03 giờ sáng. Vào lúc 20 giờ ngày 10/10/2023 thì bị cáo có nhậu cùng N và một số người bạn tại nhà N. Nhậu đến khuya đến khoảng 03 giờ ngày 11/10/2023 thì N bằng messenger cho bị cáo nội

dung “Chúc hoang qua đưa no đi khỏi kieu chu đầu” nghĩa là kêu bị cáo giùm đưa ma túy đá cho một người tên H2, bị cáo suy nghĩ một hồi những vẫn đồng ý đưa ma túy giùm No và trả lời là “ok”. Sau đó thì N kêu bị cáo ra chỗ vắng cách chỗ nhậu một đoạn và đưa cho bị cáo một miếng giấy màu trắng có gói ma túy bên trong và kêu bị cáo đưa và lấy giùm 200.000 đồng, kể đó N vào nhà ngủ, còn bị cáo thì tiếp tục quay lại nhậu. Khoảng 30 phút sau thì H2 đi xe Sirius màu đỏ-đen đến trước nhà của N, thấy vậy bị cáo mới ra và để miếng giấy có ma túy bên trong trên yên xe gần đó, kể đó thì H2 đến lấy miếng giấy có ma túy và đưa cho ông một tờ mệnh giá 200.000 đồng, sau đó H2 chạy xe đi. Sau đó, bị cáo vào nhà N, thấy N đang nằm thì bị cáo đưa cho N 200.000 đồng, kể đó bị cáo tiếp tục ngồi nhậu một lúc thì về nhà ngủ.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Trần Văn N1 khai nhận: Ông không nhớ chính xác là vào ngày nào, nhưng cách hôm nay khoảng 10 đến 20 ngày thì ông, vào buổi chiều ông có sử dụng zalo đăng ký bằng số 0945.702.571 lấy tên tài khoản là “Chín” nhắn tin cho No qua zalo, ông lưu tên zalo của N là “No”. Ông nhắn tin hỏi N nói “Vô làm cái 150” nghĩa là mua ma túy đá với giá 150.000 đồng, N đồng ý và nhắn tin lại cho ông. Sau đó thì ông chạy xe lên nhà của N cặp mé sông, có màn che thuộc ấp G, thị trấn L, tỉnh Sóc Trăng, khi ông đến thì No có ở nhà, ông vào nhà của N thì N đưa cho ông một bịch nilon hàn kín bên trong có tinh thể rắn màu trắng đó là ma túy đá, ông mới đưa cho No 150.000 đồng. Ông lấy ma túy xong thì lấy ma túy ra sử dụng tại nhà của N một mình, sau đó thì ông nhậu ở nhà của N, đến khuya ông tỉnh rồi mới về nhà.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Đỗ Thanh L1 khai nhận: Ông sử dụng ma túy tổng cộng 02 lần cụ thể:

- Lần thứ nhất: Vào ngày N bị bắt, vào buổi trưa, ông có sử dụng ma túy cùng N, L3, T3 tại nhà sau của bị cáo N nhưng ông chỉ vào có hút có hai hơi thì đi ra. Ma túy đã có sẵn ở trong nỏ, dụng cụ sử dụng ma túy cũng có sẵn ở nhà sau.

- Lần thứ hai: Vào buổi tối trước ngày N bị bắt hai ngày, ông có sử dụng ma túy cùng N, L3, T3 tại nhà sau của N. Ma túy là do bị cáo N cung cấp, dụng cụ sử dụng cũng có sẵn trong nhà bị cáo N, có ai hùn tiền hay không thì ông không rõ, nhưng ông không có hùn tiền.

* Trong quá trình điều tra ông Lý Hoàng H1 khai nhận: Ông bắt đầu mua ma túy từ No cách đây khoảng một tháng, cứ cách khoảng hai ba ngày thì ông đến mua ma túy một lần. Những lần ông đến mua ma túy thì ngoài No ra, còn có L3 và T1 ở trong nhà của N. Khi ông chạy đến nhà N thì N đưa ma túy cho ông ngay tại nhà trước hoặc chỗ cửa buồng. Khi N đưa ma túy cho ông, T1, L3 đều có mặt ở đó, nên đều trông thấy. Mỗi lần ông mua từ 200.000 đến 300.000 đồng, lần nhiều nhất là 700.000 đồng. Do mua nhiều lần quá, ông cũng không nhớ, nhưng ông nhớ lần gần nhất là vào trưa ngày N bị bắt. Khoảng 11 giờ, ông nhắn tin cho N qua tài khoản Messenger của N tên “Hai T6” ông hỏi mua 700.000 đồng ma túy, thì N kêu chạy qua. Ông chạy qua nhà N thì thấy có T1

và L3 đang ở nhà N. Ông nói với N là lấy ma túy xong chút nữa ông quay lại trả tiền, thì N đồng ý. Rồi N đưa cho một bịch ma túy được đựng trong bịch nylon kín. Lúc N đưa ma túy cho ông ở nhà sau thì có Lẹ và T1 cũng trông thấy. Ông thấy L3, N, T1 đang ngồi sử dụng ma túy. Khoảng một tiếng đồng hồ sau thì ông quay lại trả cho N 700.000 đồng, gồm 07 tờ 100.000 đồng. Khi ông trả tiền thì ông đưa cho N, ngay trước cửa nhà. Chiều ngày 11/10/2023, ông nhắn qua tài khoản messenger tên “Hai Tỷ” của N hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy, thì N kêu ông chạy qua. Lúc ông chạy qua thấy có L3, T1, N đang ngồi trong dãy ghế đá (đôi diện nhà của N). Khi ông chạy ra tới ghế đá, rồi ngồi chỗ ghế đá, thì N vô nhà lấy ma túy ra, rồi đưa cho ông, trong lúc đó T1, L3 đang chơi game cũng có trông thấy N đưa ma túy cho ông. Khoảng 01 tiếng sau ông chạy xe lại đưa tiền cho N, gồm 3 tờ 100.000 đồng.

* Trong quá trình điều tra ông Châu K khai nhận: Ông Châu K bắt đầu mua ma túy từ No cách đây khoảng một tháng, cứ cách khoảng hai ba ngày thì ông đến mua ma túy một lần. Những lần ông đến mua ma túy thì ngoài No ra, còn có L3 và T1 ở trong nhà của N. Khi ông chạy đến nhà N thì N đưa ma túy cho ông ngay tại nhà trước hoặc chỗ cửa buồng. Khi N đưa ma túy cho ông, T1, L3 đều có mặt ở đó, nên đều trông thấy. Mỗi lần ông mua từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, do ông không có nhiều tiền. Do mua nhiều lần quá, ông cũng không nhớ, nhưng ông nhớ lần gần nhất là vào tối 10/10/2023 khoảng gần 20 giờ, ông chạy đến nhà của N, gặp N thì ông nói là “Làm cho ông cái một trăm hai trăm gì cũng được”, rồi N kêu ông đứng đợi, tiếp đó, N đi vào trong buồng, khoảng 05 phút sau thì N đi ra rồi lên võng nằm, đưa cho ông một bịch ma túy. Ông đưa cho N số tiền 100.000 (01 tờ 100.000 đồng) rồi đi ra về. Về đến nhà thì N có nhắn tin cho ông qua tài khoản zalo, nói với ông bịch ma túy bán cho ông có giá 200.000 đồng, nên ông còn thiếu lại 100.000 đồng, nội dung tin nhắn sau đó ông đã xóa bỏ. Đến sáng ngày (12/10/2023 ngày N bị bắt) thì ông chạy lên trả cho N 100.000 đồng. Ông đưa tiền cho No ngay tại bàn uống cà phê cấp lộ, phía trong có cái sân xi măng.

* Trong quá trình điều tra ông Hừa P1 khai nhận: Từ trước đến nay ông đã mua ma túy từ No khá nhiều lần, ông cũng không nhớ hết. Nhưng ông nhớ hai lần gần nhất, một lần là ngay ngày N bị bắt ngày 12/10/2023, còn lần trước là cách ngày N bị bắt khoảng một tuần.

- Khoảng 10 giờ sáng ngày 12/10/2023, ông dùng số điện thoại 0392.563.374 nhắn tin qua số điện thoại có đuôi là 88 của No, trong điện thoại của ông vẫn còn lưu tin nhắn với N. Ông kêu No bán cho ông 500.000 đồng tiền ma túy và xin thêm một cái nó để sử dụng ma túy thì N đồng ý. Sau đó, ông chạy qua nhà của N, T1, L3, B cũng đang ở nhà của N. Ông đưa cho N số tiền 500.000 đồng (01 tờ 500.000 đồng). Ông đưa tiền cho N ngay chỗ cấp mé lộ, trước cửa nhà N, những người gồm V1, L5, T1, B đều trông thấy ông đưa tiền cho N. Sau khi nhận tiền, N liền đi vào trong buồng, khoảng 05 phút sau thì N đi ra, đưa cho ông bịch ma túy (đựng trong bịch nylon hàn kín). Lúc N đưa bịch ma túy cho ông, V1 (nhà ở L) chạy đến, trên tay có cầm thêm một cái bóng đèn, L3, T1, B đều trông thấy N đưa bịch ma túy cho ông.

- Trước ngày N bị bắt khoảng một tuần, khoảng gần 22 giờ thì ông sử dụng số điện thoại 0392.563.374 nhắn tin qua số điện thoại có đuôi 88 của No, nhờ No cứu ông 200.000 đồng tiền ma túy (tức là bán ma túy cho ông 200.000 đồng tiền ma túy) ông hứa đến sáng hôm sau sẽ trả tiền cho N. Ban đầu No không đồng ý bán thiếu cho ông, nhưng ông năn nỉ No một lúc thì N đồng ý rồi kêu ông chạy qua nhà của N để lấy. Khi ông chạy qua thì N đưa cho ông một bịch ma túy. Đến hai ngày sau thì ông mới trả cho N số tiền 200.000 đồng (gồm 02 tờ 100.000 đồng). Nội dung tin nhắn lần này ông đã xóa bỏ.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Sơn Hoàng A khai nhận: Từ trước đến nay ông có đi mua ma túy cùng H2 hai lần. Nhưng không nhớ rõ thời gian. Ông nhớ hai lần đi mua ma túy cùng H2 là vào khoảng tháng 10 năm 2023, vì sau khi đi mua ma túy cùng H2 thì ông có bị Cơ quan Công an mời lên để làm việc, nên ông còn nhớ. Hai lần H2 đi mua ma túy thì ông đều có đi theo, một lần là vào buổi chiều, một lần là vào giờ khuya, tầm khoảng 02-03 giờ sáng. Hai lần này cách nhau khoảng 02-03 ngày.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Lâm Ngọc H2 khai nhận: Ông mua ma túy của N có nhà ở ấp G, thị trấn Lịch Hội T. Từ trước đến nay ông chỉ mua ma túy của No được 02 lần.

Lần thứ nhất: Vào chiều ngày 09/10/2023 ông có gọi điện cho N qua ứng dụng M để mua 200.000 đồng tiền ma túy, N đồng ý bán thì ông chạy qua để lấy ma túy. Khi ông chạy đến thì gặp khá là nhiều người đang nhậu ở nhà của No, ông đứng trước cửa nhà, rồi N đem bịch ma túy ra đưa cho ông rồi trả cho N số tiền 200.000 đồng. Lần này ông đi cùng với V bằng xe của V, lúc N đưa ma túy cho ông thì V cũng có trông thấy.

Lần thứ hai: Vào tối ngày 10/10/2023 rạng sáng ngày 11/10/2023, khoảng gần 03 giờ sáng ông có gọi cho N qua ứng dụng Messenger để mua 200.000 đồng tiền ma túy, nhưng ông hẹn với No hôm sau mới trả tiền cho N, thì N đồng ý. Sau đó, ông điều khiển xe máy Sirius màu đen cơ ở V qua nhà N ở ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để lấy ma túy. Ông chạy qua nhà của N, thì gặp T3, L3 còn N thì ngủ ở trong buồng. Thăng đưa cho ông một vỏ gói thuốc, bên trong có một gói giấy màu trắng, ông lấy ra kiểm tra đúng là bịch ma túy thì ông vứt bỏ gói thuốc, rồi lên xe chạy về nhà. Số ma túy này ông mang về sử dụng một mình. Số tiền 200.000 đồng sáng ngày hôm sau ông đã mang trả cho N.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Trần Văn S1 khai nhận: No có thuê nhà của chị ông là bà Trần Thị Bích L2 ở gần nên có quen biết nhau, không có họ hàng thân thích gì, trước đây giữa ông và N cũng không có mâu thuẫn, theo ông được biết bà L2 cho thuê nhà cách đây 03 năm, căn nhà nằm cấp lộ nhựa tại ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, khi cho thuê ông là người làm hợp đồng giúp cho bà L2, Hợp đồng cho thuê là do ông giữ, chỉ ghi bằng giấy tay, nhưng đã lâu năm ông đã làm mất. Ông không biết N thuê căn nhà để tổ chức, mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Trong quá trình điều tra bà **Trần Thị Bích L2** khai nhận: Bà **Trần Thị Bích L2** cách đây 03 năm, bà có cho **N** thuê căn nhà nằm cấp lộ nhựa tại **ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**, cho thuê với giá 700.000 đồng, thời gian đầu cho **T7** có làm hợp đồng rõ ràng, do vợ của **N** đứng ra thuê, cách đây 06 tháng hợp đồng đã hết hạn, nhưng thấy gia đình No khổ nên bà chưa lấy lại nhà, việc **N** thuê căn nhà để tổ chức, mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy bà hoàn toàn không biết.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bà **Thạch Thị D1** khai nhận: Bà và bị cáo **N** sống chung như vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay, tại nhà **ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**, giữa hai người hoàn toàn không có mâu thuẫn. Mặc dù sống chung nhưng bà không biết **N** có tổ chức, mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy, ban ngày bà thường xuyên đi bán không có ở nhà, thấy có nhiều người đến tìm **N**, nhưng bà không biết tìm làm gì. Bà không cho **N** sử dụng ma túy nên việc **N** sử dụng ma túy với người khác bà hoàn toàn không biết.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSTĐ ngày 15/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề đã: Truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để xét xử các bị cáo:

- Bị cáo **Thái Văn N** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo **Trần Thanh L3** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo **Sơn T3** về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với bị cáo **Thái Văn N**: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Thái Văn N** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Mua bán trái phép chất ma túy”, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Thái Văn N** từ 01 năm đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, xử phạt từ 07 năm 06 tháng đến 8 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt xử phạt bị cáo từ 15 năm 06 tháng tù đến 18 năm 06 tháng tù.

+ Đối với bị cáo **Trần Thanh L3**: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trần Thanh L3** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo xử phạt bị cáo **Trần Thanh L3** từ 01 năm đến 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt xử phạt bị cáo từ 8 năm tù đến năm tù.

+ Đối với bị cáo **Sơn T3**: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Sơn T3** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

* Xử lý vật chứng vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 0,1349 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo không màu trong phong bì màu trắng, bên ngoài ghi “Niêm phong vụ số 170/2023, ngày 27 tháng 10 năm 2023, Gói 01”, có chữ ký của **Phạm Thanh Trường S2**, **Nguyễn Văn Đ1**, **Nguyễn Thanh T4** và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh S**;

+ 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa có dán nhãn WAKE UP 247 có gắn một nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có gắn một đoạn ống nhựa và một cái nỏ bằng thủy tinh;

+ 01 (Một) cái hột quẹt gas màu xanh dương; 01 (Một) hột quẹt gas bị bể đầu bật lửa có gắn một đoạn ống thủy tinh;

+ 01 (Một) cây kéo bằng kim loại;

+ 16 (Mười sáu) đoạn ống bằng thủy tinh;

+ 01 (Một) đầu khè lửa.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A02S màu đen;

+ 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy của **Thái Văn N**;

+ 300.000 đồng mà **N** nhận của hai người thanh niên mua ma túy.

Ngoài ra, buộc bị cáo **Thái Văn N** nộp vào ngân sách nhà nước 450.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn N1, Đỗ Thanh L1, Lý Hoàng H1, C, H, Sơn Hoàng A, Lâm Ngọc H2, Trần Văn S1, Trần Thị Bích L2 và Thạch Thị D1 tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 292 và 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Thái Văn N và Trần Thanh L3 và Sơn T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trước đây của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Các bị cáo Thái Văn N, Trần Thanh L3 và Sơn T3 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự các bị cáo là người thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy và để có tiền phục vụ cho việc sử dụng ma túy của mình nên các bị cáo đã mua ma túy sau đó có các hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

[3.1] Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Bị cáo Thái Văn N đã có tổng cộng 04 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và có 02 lần Trần Thanh L3 đồng phạm. Lần thứ nhất: Chiều tối ngày 08/10/2023, các bị cáo N, L3, T3 đã sử dụng ma túy tại nhà của N, ma túy là do bị cáo N và L3 hùn tiền mua, bị cáo L3 hùn số tiền là 50.000 đồng, N hùn số tiền là 150.000 đồng, T3 không có hùn tiền. Dụng cụ sử dụng ma túy là của N cung cấp. Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ, ngày 10/10/2023, các bị cáo N, L3, T3 và Đỗ Thanh L1 đã sử dụng ma túy tại nhà sau của N, ma túy là do N và L3 hùn tiền mua, L3 hùn số tiền là 55.000 đồng, N hùn số tiền là 145.000 đồng. T3 và B không có hùn tiền. Dụng cụ sử dụng ma túy là do N cung cấp. Lần thứ ba: Sáng ngày 12/10/2023, các bị cáo L3, T3 sử dụng ma túy của N tại nhà của N, dụng cụ sử dụng ma túy do N cung cấp và Lần thứ tư: Buổi trưa ngày 12/10/2023, các bị cáo N, L3, T3 và Đỗ Thanh L1 đã sử dụng ma túy tại nhà sau của N, ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy do N cung cấp. L, T3 và B không có hùn tiền. Cho

nên hành vi của bị cáo **Thái Văn N** và **Trần Văn L** đã tổ chức nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng cho từ hai người trở lên sử dụng trái phép chất ma túy đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề truy tố: Bị cáo **Thái Văn N** và **Trần Thanh L3** về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy: **Thái Văn N** đã có 08 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thu lợi 2.450.000 đồng. Trong đó có 01 lần **Son T3** thực hiện hành vi giúp sức để bán ma túy cho **Lâm Ngọc H2** vào ngày 11/10/2023. Cụ thể: Bán cho **Lâm Ngọc H2** 02 lần. Mỗi lần 200.000 đồng. Bán cho **Lý Hoàng H1** 02 lần (lần 01 là 300.000 đồng, lần 02 là 700.000 đồng). Bán cho **Hữu P** 02 lần (lần 01 là 200.000 đồng, lần 02 là 500.000 đồng). Bán cho **Châu K** 01 lần 200.000 đồng. Bán cho **Trần Văn N1** 01 lần 150.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo **Thái Văn N** còn nhận 300.000 đồng tiền mua ma túy của 02 người thanh niên không rõ lai lịch nhưng **N** chưa có bán ma túy. Cho nên hành vi của bị cáo **Thái Văn N** đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo **Son T3** có hành vi giúp sức để bán ma túy cho **N** đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề truy tố: Bị cáo **Thái Văn N** về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và bị cáo **Son T3** có hành vi giúp sức để bán ma túy đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Khoảng 15 giờ cùng ngày 12/10/2023, bị cáo **Thái Văn N** và **Trần Thanh L3** hùn tiền nhau để mua ma túy sử dụng (Lẻ hùn 50.000 đồng, No hùn 105.000 đồng), **N** mua 200.000 đồng nên nợ của người bán 45.000 đồng. Ma túy mua về chưa kịp sử dụng thì đã bị bắt quả tang. Số ma túy của **N** và **L3** tàng trữ có khối lượng là 0,1722 gam, loại Methamphetamine (Tại bản kết luận giám định số 170/KLMT-KTHS ngày 21 tháng 10 năm 2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh S** kết luận giám định như sau: Mẫu chất rắn màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1722 gam, loại Methamphetamine). Cho nên hành vi của bị cáo **Thái Văn N** và **Trần Thanh L3** đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề truy tố: Các bị cáo **Thái Văn N** và **Trần Thanh L3** về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo **Thái Văn N**, **Trần Thanh L3** và **Son T3** là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý về các chất ma túy của Nhà nước đồng thời còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Trong vụ án này về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo **Thái Văn N** và **Trần Thanh L3** không có sự bàn bạc, phân công vai trò nên thuộc đồng phạm giản đơn. Đối với hành vi của **Son T3** giúp **Thái Văn N** bán ma túy cho **Lâm Ngọc H2** không có sự bàn bạc, phân công vai trò nên thuộc đồng phạm giản đơn. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo và giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời còn răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[8] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

[8.1] Đối với bị cáo **Thái Văn N** trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự thú đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng ma túy trước đó và bị cáo đã nộp 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính do bán ma túy có được và 300.000 đồng mà bị cáo nhận của hai người thanh niên mua ma túy. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo, để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[8.2] Đối với bị cáo **Trần Thanh L3** trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khai ra những lần tổ chức sử dụng ma túy trước đó. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[8.3] Đối với bị cáo **Son T3** trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án; Có 01 tiền sự. Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc Khmer. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với các vật chứng: 0,1349 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo không màu trong phong bì màu trắng, bên ngoài ghi “Niêm phong vụ số 170/2023, ngày 27 tháng

10 năm 2023, Gói 01”, có chữ ký của Phạm Thanh Trường S2, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thanh T4 và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh S; 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa có dán nhãn WAKE UP 247 có gắn một nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có gắn một đoạn ống nhựa và một cái nõ bằng thủy tinh; 01 (Một) cái hột quẹt gas màu xanh dương; 01 (Một) hột quẹt gas bị bể đầu bật lửa có gắn một đoạn ống thủy tinh; 01 (Một) cây kéo bằng kim loại; 16 (Mười sáu) đoạn ống bằng thủy tinh; 01 (Một) đầu khè lửa. Xét thấy đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành và là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, do đó căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

[9.2] Đối với các vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A02S màu đen. Xét thấy, đây là các tài sản hợp pháp của bị cáo Thái Văn N và các bị cáo dùng để phục vụ cho việc mua bán ma túy cho nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[9.3] Đối với số tiền bị cáo N nộp: 2.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy của Thái Văn N; 300.000 đồng mà N nhận của hai người thanh niên mua ma túy. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo có được từ việc mua bán ma túy cho nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, buộc bị cáo Thái Văn N nộp vào ngân sách nhà nước 450.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

[10] Đối với các vật chứng và tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với người đàn ông tên V1 ở L bán ma túy cho bị cáo N, do thông tin về người đàn ông này quá ít, không rõ ràng nên không xác định được là ai, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không thể tiến hành xác minh làm việc được. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh và xử lý sau.

[12] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đỗ Thanh L1, Lâm Ngọc H2, C, Hữu P, K, Phạm Văn T8, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an địa phương xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Đối với bà Thạch Thị D1, dù sinh sống cùng Thái Văn N chưa đăng ký kết hôn, bà Thạch Thị D1 hoàn toàn không biết việc N sử dụng nơi ở của mình để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra không xem xét khởi tố là đúng.

[14] Đối với bà Trần Thị Bích L2, ông Trần Văn S1 việc cho thuê nhà trước khi N thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời bà L2, ông S1 cũng không biết việc N sử dụng căn nhà được cho thuê để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xem xét khởi tố là đúng.

[15] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo **Thái Văn N**, **Trần Thanh L3** và **Son T3** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 251; các điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Thái Văn N** (điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy”).

* Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Trần Thanh L3** (điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”).

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Son T3**.

* Tuyên bố các bị cáo:

- Tuyên bố bị cáo **Thái Văn N** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

- Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh L3** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Tuyên bố bị cáo **Son T3** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

* Xử phạt:

- Xử phạt bị cáo **Thái Văn N** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt bị cáo **N** phải chấp hành 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2023.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh L3** 07 (bảy) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và 01 (một) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt bị cáo **L3** phải chấp hành 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2023.

- Xử phạt bị cáo **Sơn T3** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2023.

* Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,1349 gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định được niêm phong bằng giấy trắng và băng keo không màu trong phong bì màu trắng, bên ngoài ghi “Niêm phong vụ số 170/2023, ngày 27 tháng 10 năm 2023, Gói 01”, có chữ ký của **Phạm Thanh Trường S2**, **Nguyễn Văn Đ1**, **Nguyễn Thanh T4** và 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của **Phòng K1 Công an tỉnh S**; 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa có dán nhãn WAKE UP 247 có gắn một nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có gắn một đoạn ống nhựa và một cái nỏ bằng thủy tinh; 01 (Một) cái hột quạt gas màu xanh dương; 01 (Một) hột quạt gas bị bể đầu bật lửa có gắn một đoạn ống thủy tinh; 01 (Một) cây kéo bằng kim loại; 16 (Mười sáu) đoạn ống bằng thủy tinh; 01 (Một) đầu khè lửa.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà Nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG A02S màu đen (của bị cáo **N**)

(Các vật chứng và tài sản trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/4/2024).

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền 2.000.000 (đồng do bị cáo **Thái Văn N** nộp (theo *Biên lai thu tiền số 0001288 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*);

+ Số tiền bị cáo **Thái Văn N** bán ma túy 300.000 đồng (03 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng) (theo *Biên bản giao nhận tài sản ngày 16/01/2024 của Kho Bạc Nhà nước T*).

- Buộc bị cáo **Thái Văn N** nộp bổ sung tiền thu lợi bất chính 450.000 đồng mua bán trái phép chất ma túy để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

* Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo **Thái Văn N**, **Trần Thanh L3** và **Sơn T3** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo; NCLQ;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Công an huyện Trần Đề
(cơ quan CSĐT, bộ phận HSNVCS, cơ quan
THAHS và Nhà tạm giữ);
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Lưu (HSVA & TA).

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Minh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Lý Công M1

Nơi nhận:

- Bị cáo; NCLQ;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Công an huyện Trần Đề

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

(cơ quan CSĐT, bộ phận HSNVCS, cơ quan
THAHS và Nhà tạm giữ);
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Lưu (HSVA & TA).

Lý Công Minh